

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa tỉnh Tây Ninh năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-BNN-TT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn quốc năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3387/TTr-SNN ngày 31 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Tây Ninh năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh.

Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Trồng trọt) về kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2023 của địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 02.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn.

Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 15 tháng 12 năm 2023.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Căn cứ nhu cầu chuyển đổi của tổ chức, cá nhân trên địa bàn và kế hoạch chuyển đổi của cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn theo Mẫu số 03.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP.

Tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến



KẾ HOẠCH

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Tây Ninh năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Kế hoạch diện tích đất trồng lúa chuyển đổi năm 2023 (ha)			
		Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
I	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh	2.211,0			
-	Chuyển sang trồng cây hàng năm	621,7	4,7	139,9	477,1
-	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 752 ha x 2 = 1.504 ha)	1.504,0	8,0	191,1	552,9
-	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	85,3	13,0	30,2	42,1
II	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của huyện/thị xã/thành phố				
1	Bến Cầu	403,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	70,0		30,0	40,0
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 165 ha x 2 = 330 ha)	330,0		75,0	90,0
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	3,0		2,0	1,0
2	Châu Thành	200,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	40,0		15,0	25,0
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 70 ha x 2 = 140)	140,0		30,0	40,0

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Kế hoạch diện tích đất trồng lúa chuyển đổi năm 2023 (ha)			
		Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
	ha)				
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	20,0	10,0	10,0	
3	Dương Minh Châu	677,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	150,0			150,0
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 260 ha x 2 = 520 ha)	520,0			260,0
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	7,0			7,0
4	Gò Dầu	120,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	20,0		20,0	
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 50 ha x 2 = 100 ha)	100,0		50,0	
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	-			
5	Hòa Thành	260,5			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	77,5		19,0	58,5
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 74 ha x 2 = 148 ha)	148,0		17,0	57,0

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Kế hoạch diện tích đất trồng lúa chuyển đổi năm 2023 (ha)			
		Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	35,0		10,0	25,0
6	Tân Biên	387,5			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	184,2	0,7	3,9	179,6
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 101 ha x 2 = 202 ha)	202,0		6,1	94,9
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	1,3		0,2	1,1
7	Tân Châu	-			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	-			
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm	-			
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	-			
8	Thành phố Tây Ninh	63,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	10,0	4,0	2,0	4,0
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 22 ha x 2 = 44 ha)	44,0	8,0	8,0	6,0
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	9,0	3,0	3,0	3,0
9	Trảng Bàng	100,0			
a	Chuyển sang trồng cây hàng năm	70,0		50,0	20,0

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Kế hoạch diện tích đất trồng lúa chuyển đổi năm 2023 (ha)			
		Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
b	Chuyển sang trồng cây lâu năm (diện tích canh tác x 2 = 10 ha x 2 = 20 ha)	20,0		5,0	5,0
c	Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	10,0		5,0	5,0

Ghi chú:

- Tổng số = cây hàng năm + cây lâu năm x 2 (lần), (2 lần để quy ra diện tích gico trồng) + trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.
- Cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản: tính theo diện tích gico trồng.
- Cây lâu năm: tính theo diện tích canh tác.